

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày 16-9-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

Vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tiến Bộ và bà Bùi Thị Cẩm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 08 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2020/QĐST-DS ngày 28/08/2020; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố TĐ2, phường P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Anh M1, sinh năm 1970;

- Ông Nguyễn Quốc M2, sinh năm: 1999

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Võ T1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố TĐ2, phường P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ph có mặt, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/02/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Ph trình bày:*

Xuất phát từ chỗ quen biết nhau người cùng địa phương, nên ngày 19/04/2019, bà Nguyễn Thị Minh T có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không có thỏa thuận lãi suất; mục đích vay bà T nói là để làm ăn.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, đúng hạn trong giấy vay tiền bà T không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà. Bà yêu cầu bà T trả tiền nhiều lần nhưng cứ hạn mãi vẫn không trả tiền cho bà. Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ trả lại số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2019 đến ngày 16/09/2020 theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), với số tiền là 3.950.000 đồng ($30.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 15 \text{ tháng} = 3.950.000 \text{ đồng}$). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 33.950.000 đồng. Không yêu cầu ông Võ T1 chồng bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/03/2020, biên bản lấy lời khai ngày 18/05/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:*

Vào ngày 19/04 2019, bà có vay của ông Nguyễn Quốc M2 (con của bà Lê Thị Ph) số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng hàng tháng trả là 6.000.000 đồng, mục đích vay tiền để chi tiêu cá nhân; khi vay tiền có viết giấy, nhưng trong giấy vay tiền phần thông tin người cho vay ông M2 nói để trống, ông M2 tự ghi, còn ghi vào thời gian nào bà không biết.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, do nhận thấy tiền lãi quá cao không thể lâu được, nên tháng 8/2019, bà trả tiền gốc và tiền lãi cho ông M2 với số tiền là 69.600.000 đồng (tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi là 39.600.000 đồng). Khi trả tiền gốc và tiền lãi cho ông M2 bà không lấy lại giấy vay tiền và cũng không lập văn bản giao nhận tiền.

Nay bà Lê Thị Ph yêu cầu bà có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 2.850.000 đồng bà không đồng ý. Vì bà không vay mượn tiền của bà Lê Thị Ph, bà chỉ vay tiền của ông M2 (con của bà Ph) và đã trả cho ông M2 xong.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/05/2020, ông Nguyễn Quốc M2 trình bày:* Ông là con của bà Lê thị Ph, trước năm 2020 (khoảng 02 đến 03 năm) ở địa phương ai có nhu cầu hỏi vay tiền để làm ăn thì ông cho vay, trong đó ông có cho Nguyễn Thị Minh T vay số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, khi bà T

vay tiền có viết giấy, sau đó bà T đã trả cho ông xong. Việc bà T trình bày vào ngày 19/04/2019, có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng là không đúng.

** Tại đơn trình bày ngày 20/7/2020, ông Nguyễn Anh M1 trình bày: Số tiền bà Lê Thị Ph cho bà Nguyễn Thị Minh T vay là tiền riêng của bà Ph, không liên quan đến ông. Trong đơn khởi kiện bà Lê Thị Ph ghi ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Do vậy, ông đề nghị Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án không triệu tập ông đến tòa với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

** Ông Võ T1 Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án hoặc đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự;

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph. Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ph số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 3.950.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Ngày 19/04/2019, bà Nguyễn Thị Minh T có vay của bà Lê Thị Ph số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng bà T trả lại tiền cho bà Ph, mục đích vay tiền để chi tiêu các nhân. Đúng hạn trong giấy vay tiền bà T không trả lại tiền cho bà Ph, bà Ph đến hỏi nhiều lần, nhưng bà T vẫn không trả lại tiền. Do vậy, bà Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/05/2019 đến ngày 16/09/2020, theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 33.950.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Ph, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi, theo qui định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “ *Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà Lê Thị Ph khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/05/2019 đến ngày 16/9/2020 theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 3.950.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà T cho rằng chỉ vay tiền của ông Nguyễn Quốc M2 (con của bà Ph), không có vay tiền của bà Ph, nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vay tiền của ông M2 và trả tiền cho ông M2, nên yêu cầu của bà T không có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu là 1.697.500 đồng; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Ph.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph. Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ph số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 3.950.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 33.950.000 đồng (ba mươi ba triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.697.500 đồng.

Hoàn trả lại 821.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Ph, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002787 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn